

Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng

Cập nhật: 26/03/2025

A. GIỚI THIỆU

- ✓ Tên trường: Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng
- ✓ Tên tiếng Anh: Cao Bang Teacher's Training College
- ✓ Mã trường: C06
- ✓ Loại trường: Công lập
- ✓ Hệ đào tạo: Cao đẳng
- ✓ Địa chỉ: Km4, Đề Thám, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
- ✓ SĐT: 0263.750.210
- ✓ Email: info@suphamcaobang.edu.vn
- ✓ Website: <http://www.caodangsuphamcaobang.edu.vn/>
- ✓ Facebook: www.facebook.com/caodangsuphamcaobang/

B. THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2024

☒ I. Thông tin chung

1. Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển:

- ✓ **Đợt 1:** Theo quy định của Bộ;
- ✓ **Các đợt tiếp theo:** Từ 09/2024 đến 12/2024 (nếu còn chỉ tiêu);

3. Đối tượng tuyển sinh

- ✓ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

4. Phạm vi tuyển sinh

- ✓ Ngành Giáo dục Mầm non: Tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cao Bằng.
- ✓ Ngành Tiếng Trung Quốc: Tuyển các thí sinh trên toàn quốc.

5. Phương thức tuyển sinh

a. Phương thức xét tuyển

- ✓ Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 (Sử dụng học bạ THPT);
- ✓ Thí sinh phải có học lực cả năm lớp 12 xếp loại trung bình trở lên;
- ✓ Thí sinh sử dụng một trong các tổ hợp D01; D15; D65; D66 để đăng ký xét tuyển.

b. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- ✓ **Phương thức 1:** Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- ✓ **Phương thức 2:**

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam.
- Ngành Giáo dục Mầm non: Thí sinh có học lực cả năm lớp 12 đạt loại **Khá** trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ **6,5** trở lên.
- Ngành Tiếng Trung Quốc: Thí sinh có học lực cả năm lớp 12 đạt loại **Trung bình** trở lên.

6. Học phí

✓ Các ngành sư phạm: Miễn học phí.

☑ II. Các ngành tuyển sinh

Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
Giáo dục Mầm non	51140201	D01, B03, C00, C04	100

Xem thêm: **Các tổ hợp môn xét tuyển Đại học - Cao đẳng*

C. ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CÁC NĂM

Điểm chuẩn của trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng như sau:

Ngành	Năm 2019	
	Xét theo điểm thi THPT QG	Xét theo học bạ
Giáo dục Mầm non	16	22,25

Giáo dục Tiểu học	16	22,25
Sư phạm Toán	18,5	22,25
Sư phạm Ngữ văn	18,5	22,25
Sư phạm Tiếng Anh	16	22,25
Tiếng Trung Quốc	-	15